|  |  |
| --- | --- |
|  **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH HÀ TĨNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 390/ĐA-UBND  |  *Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 12 năm 2018* |

**ĐỀ ÁN**

**Về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2021**

**ơ**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Để tập trung triển khai kịp thời và hiệu quả Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới xếp bộ máy của hệ thống chính trị; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII về tiếp tục đổi mới tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả của các đơn vị sự nghiệp công lập; Chương trình hành động số 920-CTr/TU ngày 31/01/2018 và Chương trình hành động số 1011-CTr/TU ngày 03/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Kết luận số 92-KL/TU ngày 03/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 04/6/2018 của UBND tỉnh, theo đó, ngoài mục tiêu chung, về biên chế từ nay đến 2021, giảm bình quân ít nhất 10% biên chế tại các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trong toàn tỉnh so với Kế hoạch được giao năm 2015 (chỉ tiêu còn lại phải giảm giai đoạn 2019-2021 là **114 công chức, 1.581 biên chế sự nghiệp công lập**). Mặt khác theo quy định tại Nghị quyết số 1211/UBTVQH13 ngày 25/5/2016; Văn bản số 262/UBTVQH14 ngày 17/4/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Kết luận số 92-KL/TU ngày 03/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, từ nay đến năm 2021, toàn tỉnh Hà Tĩnh phải sắp xếp, sáp nhập, giảm 57 đơn vị hành chính cấp xã, theo đó, đối chiếu quy định dự kiến sẽ có **trên 570 cán bộ, 1.037 công chức, 2.233 người hoạt động không chuyên trách cấp xã** sẽ phải giảm do dôi dư.

Về chính sách, hiện tại trên địa bàn toàn tỉnh đang thực hiện chính sách hỗ trợ để tinh giảm biên chế theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ và Nghị định số 113/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ bổ sung, sửa đổi một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP. Theo quy định tại chính sách này, một số trường hợp khi nghỉ được hưởng theo quy định này nhưng mức hỗ trợ còn thấp, một số không nằm trong đối tượng điều chỉnh theo các Nghị định trên (lao động hợp đồng tại các đơn vị sự nghiệp chính sách đặc thù của tỉnh; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã).

Vì vậy, việc khẩn trương rà soát các chủ trương, chính sách của Trung ương đã ban hành, đối chiếu với yêu cầu thực tiễn triển khai nhiệm vụ của tỉnh, việc tham mưu xây dựng và ban hành chính sách của tỉnh hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế là rất cần thiết.

Để triển khai có hiệu quả công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động từ cấp tỉnh đến cấp xã theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, giảm chi ngân sách địa phương, tạo nguồn để thực hiện chính sách cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII; xét đề nghị của Sở Nội vụ (sau khi có ý kiến các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã; tham khảo chính sách đặc thù của một số địa phương), UBND tỉnh đã trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xin ý kiến và tiếp thu, hoàn chỉnh Đề án “***Về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2021”***.

**II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Chủ trương, chính sách của Đảng**

- Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức;

- Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 **Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;**

- Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Kế hoạch số 07-KH/TW ngày 27/11/2017 của Bộ Chính trị thực hiện Nghị quỵết Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Chương trình hành động số 920-CTr/TU ngày 31/01/2018 và Chương trình hành động số 1011-CTr/TU ngày 03/5/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh;

- Kết luận số 05-KL/TU ngày 29/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chủ trương nâng cao năng lực, đổi mới phương thức lãnh đạo của Ðảng về sắp xếp, tinh giản bộ máy, biên chế, hoạt động hiệu lực, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị; Kết luận số 92-KL/TU ngày 03/10/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số vấn đề tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII); Kết luận số 73-KL/TU ngày 05/7/2018 của Tỉnh ủy về đề án sắp xếp tinh giản bộ máy, biên chế, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động ngành y tế và Đề án thực hiện chương trình mục tiêu Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018-2020 và những năm tiếp theo.

 **2. Quy định pháp luật của Trung ương, của tỉnh**

 - Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

 - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/12/2015;

- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

- Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

- Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Văn bản số 262/UBTVQH14-PL ngày 17/4/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thống nhất thực hiện các quy định về điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6;

- Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19;

- Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 18;

- Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP;

- Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP;

- Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Nghị quyết số 26/2011/NQ-HÐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt Ðề án sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, ban quản lý dự án, tổ chức hội;

- Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 về việc thông qua Kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện giai đoạn 2016 – 2021;

- Nghị quyết số 69/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2018 của HĐND tỉnh;

- Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành Y tế Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo;

- Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo;

- Nghị quyết số 98/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của của Hội đồng nhân dân tỉnh về củng cố, phát triển hệ thống mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn đến 2030;

- Quyết định số 25/2010/QĐ-UBND ngày 09/12/2010 của UBND tỉnh về quy định chức danh, số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; số lượng, chức danh, chế độ phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố; Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ;

 - Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh về việc quy định chính sách hỗ trợ đóng BHXH, bảo hiểm y tế cho cán bộ cấp xã không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức danh lãnh đạo nhiệm kỳ 2015 - 2020 trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh về sáp nhập thôn, tổ dân phố;

- Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 4/6/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW;

- Văn bản số 4603/UBND-NC­1 ngày 07/8/2018 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện các chương trình hành động và kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW.

**III. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ**

 **1. Tình hình, kết quả thực hiện sắp xếp bộ máy và các chính sách để thực hiện tinh gian biên chế trong thời gian qua**

 1.1. Kết quả sắp xếp bộ máy

a) Thực hiện Nghị quyết số 26/2011/NQ-HÐND ngày 16/12/2011 của HĐND tỉnh:

Sáp nhập, tinh gọn các cơ quan, đơn vị, giảm 24 đơn vị hành chính (01 chi cục; 23 phòng chuyên môn ở các sở, ngành và trực thuộc UBND cấp huyện); đã chuyển giao, phân cấp 07 loại hình đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ngành cấp tỉnh về UBND cấp huyện quản lý (Đài Truyền thanh - Truyền hình; Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp; Trạm Bảo vệ thực vật; Trạm Thú y; Trung tâm Dân số - Kế hoạch hoá gia đình; Trạm Y tế cấp xã; Trung tâm Y tế dự phòng cấp huyện); giải thể, sáp nhập đã giảm 167 đơn vị sự nghiệp công lập (giảm 99 trường học; 40 Ban quản lý dự án cấp tỉnh và trực thuộc UBND cấp huyện; 28 đơn vị chuyển tự trang trải kinh phí hoạt động); công nhận 07 Hội đặc thù cấp huyện (gồm các Hội: Người cao tuổi; Chữ thập đỏ; Khuyến học; Cựu Thanh niên xung phong; Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi; Nạn nhân chất độc da cam đioxin); thành lập thêm 58 trường THCS liên xã (hiện nay toàn tỉnh có 94/151 trường THCS liên xã); giảm 323 biên chế do ngân sách nhà nước trả lương, tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách hàng năm trên 27 tỷ đồng.

b) Thực hiện quy định của Trung ương: Căn cứ chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh tiếp tục sắp xếp, kiện toàn các Ban Quản lý dự án xây dựng cơ bản trên địa bàn toàn tỉnh, từ 26 ban còn 04 ban. Hiện nay, toàn tỉnh Hà Tĩnh còn 17 Ban quản lý dự án (trực thuộc UBND tỉnh 04 ban; trực thuộc UBND cấp huyện 13 ban - mỗi huyện chỉ tổ chức 01 ban), giảm tiếp 22 ban quản lý dự án xây dựng cơ bản so với năm kết quả sau khi thực hiện Nghị quyết số 26/2011/NQ-HÐND.

c) Thực hiện Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh:

Sau 05 năm triển khai, đến 31/12/2017, toàn tỉnh giảm 722 thôn, tổ dân phố (từ 2.837 giảm xuống còn 2.115 thôn, tổ dân phố), giảm bình quân 2,8 thôn, tổ dân phố/01 xã (bình quân một đơn vị hành chính cấp xã còn 08 thôn, tổ dân phố). Song song với việc sáp nhập để giảm số thôn, tổ dân phố, năm 2015, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 165/2015/NQ-HĐND, theo đó UBND tỉnh ban hành Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo tinh gọn, thiết thực, phù hợp với yêu cầu công việc thực tế tại địa phương. Kết quả toàn tỉnh đã giảm hơn 24.000 người (hơn 2.000 người hoạt động không chuyên trách và hơn 22.000 người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố), tiết kiệm chi ngân sách trên 132 tỷ đồng; tăng mức phụ cấp bình quân đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố từ 0,8 lên 1,1 mức lương cơ sở/người/tháng; đối với người thực hiện nhiệm vụ khác ở thôn, tổ dân phố từ 0,15 lên 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng.

d) Thực hiện theo Kết luận số 05-KL/TU ngày 29/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy:

Thành lập Trung tâm Hành chính công tỉnh, 13 Trung tâm Hành chính công huyện, thành phố, thị xã; giảm 15 phòng chuyên môn của các sở, ngành.

e) Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII:

- Đối với tổ chức hành chính: Theo Đề án được UBND tỉnh phê duyệt và các đơn vị đề nghị: Toàn tỉnh giảm 04 chi cục, 29 phòng chuyên môn thuộc sở, ngành, 28 phòng, tổ chức trực thuộc các ban, chi cục.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp:

+ Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Giảm 72 trường học công lập; 1.358 biên chế quản lý hành chính, giáo viên dôi dư ở các trường học trong toàn tỉnh.

+ Lĩnh vực Y tế: Giảm 06 đơn vị, thời gian tới sẽ thực hiện việc hợp nhất các đơn vị y tế tuyến tuyến huyện (giảm 24 đơn vị); chuyển 03 bệnh viện tuyến tỉnh sang hoạt động tự chủ, tự trang trải kinh phí hoạt động thường xuyên. Phấn đấu đến năm 2025, khả năng tự chủ kinh phí chi thường xuyên trên 50%.

+ Các lĩnh vực sự nghiệp còn lại: Theo Đề án được UBND tỉnh phê duyệt và các đơn vị đề nghị: Giảm 02 đơn vị sự nghiệp (02 đơn vị thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 01 đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thành lập 01 đơn vị thuộc Sở Nội vụ từ nhiệm vụ sự nghiệp về văn thư - lưu trữ).

+ Giảm 35 phòng, tổ chức trực thuộc các đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành (các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giảm 13; Sở Y tế giảm 19; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giảm 03).

- Đối với các xã, phường, thị trấn: Dự kiến sẽ giảm 57 đơn vị hành chính cấp xã từ nay đến 2021.

1.2. Thực hiện các chính sách và kết quả tinh giản biên chế: Để thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật liên quan đến tinh giản biên chế, từ năm 2011 đến nay, tại tỉnh Hà Tĩnh đã thực hiện các chính sách quy định tại các Văn bản sau để tinh giản biên chế:

- Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

- Quyết định số 06/2012/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định tạm thời về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư khi thực hiện Đề án sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, ban quản lý dự án và tổ chức hội (chỉ thực hiện đến năm 2014 khi Nghị định số 108/2014/NĐ-CP có hiệu lực);

- Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

**-** Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức.

 - Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh hỗ trợ đóng BHXH, BHYT cho cán bộ cấp xã không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức danh lãnh đạo nhiệm kỳ 2015 - 2020 và không thể bố trí được công tác khác phù hợp, có thời gian đóng BHXH dưới 20 năm trên địa bàn tỉnh;Cụ thể:

1.2.1. Thực hiện Quyết định 06/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 của UBND tỉnh ban hành quy định tạm thời về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức dôi dư khi thực hiện Đề án sắp xếp, kiện toàn các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, ban quản lý dự án và tổ chức hội: **Giảm 323 biên chế** (nghỉ chế độ 142; chuyển không hưởng lương phụ cấp từ ngân sách 181, đơn vị giảm biên chế nhiều nhất là Sở NN và PTNT: 76 biên chế). Ngân sách tỉnh hỗ trợ 66 biên chế nghỉ việc (theo chế độ quy định tại Quyết định 06/2012/QĐ-UBND) là 10.723 triệu đồng.

1.2.2. Thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 108/2014/NĐ-CP.Từ năm 2015 đến nay, kết quả thực hiện tinh giản biên chế từ cấp tỉnh đến cấp xã là **775 người**, cụ thể: Công chức 201 người (nghỉ trước tuổi: 154 người; thôi việc ngay: 47 người); Viên chức 574 người (nghỉ trước tuổi: 503 người; thôi việc ngay: 71 người). Tổng số tiền chi trả: 60.199.110.000 đồng**.**

1.2.3. Thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội:

- Cấp huyện, cấp tỉnh:

+ Cấp tỉnh: 01 người nghỉ hưu trước tuổi; kinh phí chi trả: 162 triệu đồng.

+ Cấp huyện: 05 người nghỉ hưu trước tuổi; 02 người nghỉ chờ. Tổng kinh phí chi trả là 885 triệu đồng.

- Cấp xã:

+ Số cán bộ cấp xã thuộc đối tượng này được giải quyết trong thời gian qua là 120 người nghỉ hưu trước tuổi, với tổng số tiền được hỗ trợ thêm (ngoài lương hưu đã được hưởng) là 5.410 triệu đồng, trung bình 45,08 triệu đồng/người.

+ Số cán bộ cấp xã nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu được giải quyết trong thời gian qua là 50 người, với tổng số tiền được hỗ trợ tính từ thời điểm cán bộ bắt đầu nghỉ chờ đến thời điểm cán bộ đủ tuổi nghỉ hưu là 3.595 triệu đồng, trung bình 71,9 triệu đồng/người.

Chính sách thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP đã hỗ trợ một phần đối với cán bộ các cấp không đủ tuổi tái cử. Tuy vậy, đối tượng được thụ hưởng chính sách còn rất ít, chỉ bao gồm cán bộ không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nhưng phải có thời gian tham gia BHXH từ đủ 20 trở lên; chỉ tập trung chủ yếu ở chính sách nghỉ hưu trước tuổi hoặc nghỉ chờ đến tuổi nghỉ hưu; chưa đề cập đến chính sách hỗ trợ cán bộ phải thôi việc ngay do không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nhưng thời gian tham gia BHXH dưới 20 năm.

1.2.4. Chính sách trợ cấp thôi việc theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP:

- Số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp tỉnh: 20 người.

- Số CBCC cấp xã thuộc đối tượng này được giải quyết trong thời gian qua: 0 người.

Chính sách này có hỗ trợ công chức có nguyện vọng thôi việc. Nhưng mức hỗ trợ thấp hơn so với mức hỗ trợ thôi việc ngay theo Nghị định số 108/2018/NĐ-CP nên công chức không lựa chọn chính sách này.

1.2.5. Kết quả thực hiện Quyết định số 3435/QĐ-UBND ngày 04/9/2015 của UBND tỉnh hỗ trợ đóng BHXH, BHYT cho cán bộ cấp xã không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức danh lãnh đạo nhiệm kỳ 2015 - 2020 và không thể bố trí được công tác khác phù hợp, có thời gian đóng BHXH dưới 20 năm trên địa bàn tỉnh:

Số cán bộ cấp xã thuộc đối tượng này được giải quyết trong thời gian qua: 82 người, với tổng số tiền được hỗ trợ là 1.044 triệu đồng, trung bình 12,7 triệu đồng/người.

Chính sách này hỗ trợ cán bộ phải thôi việc ngay do không đủ tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nhưng thời gian tham gia BHXH dưới 20 năm, khắc phục được nhược điểm của chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP đã nêu ở trên. Tuy vậy, mức hỗ trợ còn thấp; đối tượng được thụ hưởng theo chính sách này rất ít so với số lượng CBCC cấp xã dôi dư sau khi sắp xếp, sáp nhập; chỉ rà soát đối tượng 01 lần và hỗ trợ ngay tại thời điểm sau khi kết thúc đại hội Đảng cấp xã nhiệm kỳ 2015 - 2020 (tập trung chủ yếu là cán bộ cấp xã không đủ tuổi tái cử cấp ủy cấp xã), đối với các cán bộ không đủ tuổi tái cử theo nhiệm kỳ của các tổ chức chính trị - xã hội diễn ra các năm từ 2015 đến nay thì không được hỗ trợ theo chính sách này (tuy nhiên đối tượng rất ít).

1.2.6. Tổng hợp kết quả thực hiện các chính sách và tinh giản biên chế:

Tổng hợp tổng chi ngân sách nhà nước gần 101,55 tỷ đồng (trong đó chi theo chính sách của tỉnh là 11,767 tỷ đồng), giảm 1.378 người, trong đó giai đoạn 2015 - 2018 giảm 1.035 người (chính sách tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP: 775 người, theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP: 178 người; theo Quyết định số 3435/QĐ-UBND: 82 người).

**2. Đánh giá kết quả (ưu điểm, tồn tại, nguyên nhân)** **và các chính sách để thực hiện tinh giản biên chế trong thời gian qua**

a) Ưu điểm: Các chính sách trên hỗ trợ, thúc đẩy cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện tinh giản biên chế, góp phần hoàn thành mục tiêu tinh giản biên chế theo Nghị quyết 39/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 của HĐND tỉnh về việc thông qua kế hoạch tinh giản biên chế công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện giai đoạn 2016-2021.

b) Hạn chế:

- Đối với cấp huyện, cấp tỉnh: Số lượng thực hiện tinh giản biên chế đến nay còn thấp so với yêu cầu giảm biên chế của tỉnh giai đoạn 2015-2021, các chính sách chưa bao trùm được tất cả các đối tượng cần tinh giản, các trường hợp được phép tinh giản quy định khá chặt chẽ nên một số cán bộ, công chức, viên chức dù có nguyện vọng nghỉ tinh giản nhưng không được xem xét, mặt khác một số đối tượng được phép tinh giản nhưng không được hỗ trợ về kinh phí dẫn đến tâm lý không muốn nghỉ việc. Chính sách hỗ trợ cho các đối tượng thấp, đặc biệt đối với những người có thời gian công tác ngắn, mức trợ cấp thôi việc theo Nghị định số 46/2010/NĐ-CP, Nghị định số 29/2012/NĐ-CP so với một số chính sách tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ.

- Đối với cấp xã:

+ Thực hiện chính sách tinh giản biên chế giai đoạn này ở tỉnh đối với CBCC cấp xã chủ yếu đang theo nguyện vọng thôi việc của CBCC cấp xã, chưa thực hiện được bắt buộc thôi việc để tinh giản biên chế, đồng thời chưa đặt trong bối cảnh sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã (dẫn tới dôi dư lớn số lượng CBCC cấp xã phải thôi việc ngay sau khi sắp xếp, sáp nhập), do đó lý do tinh giản biên chế giai đoạn này chỉ tập trung ở các lý do như: 02 năm hoàn thành nhiệm vụ nhưng hạn chế về năng lực; chưa đạt chuẩn…

+ Chủ yếu tinh giản đội ngũ CBCC cấp xã có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, các đối tượng còn lại không đủ điều kiện (về tuổi, về số năm tham gia BHXH bắt buộc) để được nghỉ hưu trước tuổi thì không “mặn mà” với các chính sách còn lại quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, theo đó ảnh hưởng lớn đến quá trình tinh giản biên chế để cơ cấu lại đội ngũ công chức vừa đảm bảo về độ tuổi, sức khỏe và năng lực thực hiện nhiệm vụ. Mặt khác, các đối tượng đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi nhưng chỉ còn 02 năm nữa mới đủ tuổi nghỉ hưu thì chỉ không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi, ngoài ra không được hỗ trợ thêm khoản nào khác, dẫn tới các đối tượng này cũng không “mặn mà” nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP mà vẫn duy trì công tác để đủ nghỉ hưu đúng tuổi.

c) Nguyên nhân:

- Các trường hợp được nghỉ tinh giản, các điều kiện để hưởng các chính sách cụ thể khá chặt chẽ, do đó một số đối tượng mặc dù có nguyện vọng nhưng không nghỉ tinh giản được do không đảm bảo về hồ sơ: Đối tượng muốn nghỉ trước tuổi do ốm đau lâu dài nhưng không đủ hồ sơ từ cơ quan bảo hiểm, bệnh viện; đối tượng trên 58 tuổi đối với nam, 53 tuổi đối với nữ được nghỉ tinh giản nhưng không được hưởng tiền hỗ trợ; một số người khả năng đáp ứng yêu cầu công việc không cao, tuổi tác gần kề thời gian đủ tuổi nghỉ hưu và muốn được nghỉ tinh giản biên chế, tuy vậy chưa thuộc vào các trường hợp được nghỉ tinh giản biên chế.

- Có một số đối tượng không đảm đương được công việc theo vị trí công tác, nhưng vẫn trong biên chế, không thể tinh giản được, chủ yếu là do công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức không đúng thực chất nên không có cơ sở đưa vào diện tinh giản biên chế để cho thôi việc, hưởng chế độ, chính sách.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thật sự mạnh dạn thực hiện chủ trương này, vì sau khi tinh giản, số lượng biên chế còn lại ít, khó đảm đương được khối lượng công việc ngày càng nhiều.

- Chế độ, chính sách đối với những người nghỉ việc thuộc diện tinh giản biên chế chưa phù hợp, còn thấp nên chưa khuyến khích, động viên những đối tượng thuộc diện tinh giản biên chế tự nguyện đăng ký tham gia và tích cực hợp tác để thực hiện tinh giản biên chế; số lượng cán bộ, công chức, viên chức thôi việc ngay thấp hơn so với nghỉ hưu trước tuổi một phần do chính sách chưa có tính khuyến khích cao đối với nhóm đối tượng này.

- Đội ngũ CBCC cấp xã thôi việc ngay theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP không nhiều, mức hỗ trợ thấp; theo đó, thời gian tới nếu các đối tượng là CBCC cấp xã không đủ điều kiện về tuổi và thời gian tham gia BHXH để nghỉ hưu trước tuổi nhưng buộc phải thôi việc ngay do dôi dư sau khi sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã thì với mức hỗ trợ như Nghị định số 108/2014/NĐ-CP hiện nay sẽ rất khó khăn đối với CBCC cấp xã.

 - Hiện tại, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 113/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP trong đó mở rộng thêm các trường hợp được tinh giản biên chế, tuy vậy, điều kiện để hưởng các chính sách, mức chi trả vẫn giữ nguyên. Do đó, một số đối tượng trong quá trình sắp xếp tinh giản bộ máy sẽ không thuộc đối tượng, trường hợp điều chỉnh của chính sách này.

 **3. Thực trạng bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị, sự nghiệp toàn tỉnh đến 31/12/2018**

 a) Thực trạng bộ máy: Tổng số cơ quan đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã: 1.341, trong đó:

- Cơ quan khối Đảng, Đoàn thể: 30.

 - Cơ quan hành chính: 297 (22 sở, ban, ngành cấp tỉnh; 13 huyện, thành phố, thị xã; 262 xã, phường, thị trấn), trong đó có 63 đơn vị hành chính cấp xã đạt dưới 50% tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

 - Đơn vị sự nghiệp: 909 (10 đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; 112 đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh; 782 đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện; 05 đơn vị trực thuộc tổ chức chính trị - xã hội).

 - Hội đặc thù, tổ chức đoàn thể cấp tỉnh: 14; cấp huyện 91.

 b) Thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người lao động: Tổng số cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (kể cả khối đảng, mặt trận, đoàn thể) hiện có tính đến ngày 30/8/2018 là 36.018 người, bao gồm: 3.123 cán bộ, công chức; 27.273 viên chức, 5.219 cán bộ, công chức cấp xã, 403 hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP; ngoài ra còn 1.689 hợp đồng khác và 3.486 người hoạt động không chuyên trách cấp xã (bình quân 13,5 người/01 xã).

**4. Mục tiêu, nhiệm vụ sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế giai đoạn 2019 - 2021 và những năm tiếp theo.**

4.1. Về sắp xếp tổ chức bộ máy

a) Giai đoạn 2019 - 2021

- Mỗi sở, ban, ngành giảm 01 - 02 phòng chuyên môn (dự kiến giảm tối thiểu 15/150 phòng); UBND các huyện, thành phố, thị xã giảm từ 01 - 02 phòng chuyên môn trực thuộc (dự kiến giảm tối thiểu 13/155 phòng).

- Giảm 57 đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chí quy định hiện hành về quy mô dân số và diện tích tự nhiên; tiếp tục thực hiện sáp nhập thôn, tổ dân phố theo Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh về tăng cường chỉ đạo sáp nhập thôn, tổ dân phố.

- Đối với đơn vị sự nghiệp, giảm tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập trong toàn tỉnh (dự kiến giảm 92/918 đơn vị).

Hoàn thành cơ bản việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần. Hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công (tính đủ tiền lương, chi phí trực tiếp, chi phí quản lý và khấu hao tài sản) đối với một số lĩnh vực cơ bản như: y tế, giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

b) Giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo

- Giai đoạn từ 2021 - 2025 giảm đơn vị hành chính cấp xã (dự kiến 16 xã); hoàn thành sáp nhập thôn, tổ dân phố theo Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 22/3/2012 của UBND tỉnh.

Tiếp tục giảm tối thiểu 10% đơn vị sự nghiệp công lập so với năm 2021 (dự kiến 83 đơn vị) và 10% biên chế sự nghiệp. Phấn đấu có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính. 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện hoàn thành chuyển đổi thành công ty cổ phần.

- Giai đoạn từ năm 2025 và những năm tiếp thep, tiếp tục thực hiện việc giảm đầu mối, phấn đấu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, phục vụ quản lý nhà nước và các đơn vị cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

4.2. Chỉ tiêu tinh giản biên chế giai đoạn 2019-2021 và những năm tiếp theo

a) Giai đoạn 2019 - 2021

- Giảm 114/2.586 biên chế hành chính so với chỉ tiêu kế hoạch được giao năm 2015.

- Giảm 1.581 biên chế/27.273 biên chế sự nghiệp có mặt đến 31/12/2018. Có 10% đơn vị tự chủ tài chính, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính so với giai đoạn 2011 - 2015.

- Giảm 1.607 cán bộ, công chức cấp xã (trong đó: Giảm 1.197 cán bộ, công chức cấp xã (57 xã x 21 người/xã); giảm 410 công chức theo Kết luận số 92 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy); 2.233 người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

b) Giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo

Giảm 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. Tiếp tục giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016- 2021. Từ năm 2025 trở đi tiếp tục giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

**IV. PHƯƠNG ÁN XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH**

**1. Mục đích, quan điểm, yêu cầu xây dựng chính sách**

a) Mục đích

Đồng thời với việc sắp xếp bộ máy, cần thiết phải cân đối ngân sách để tinh giản biên chế, tinh gọn bộ máy. Cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động để từng bước tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 Khóa XII và các kết luận của Trung ương, của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đồng thời đảm bảo quyền lợi chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện tinh giản, sắp xếp lại tổ chức bộ máy.

b) Quan điểm xây dựng chính sách

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương trong tỉnh; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu.

- Làm tốt công tác chính trị tư tưởng, nhận thức của cán bộ, đảng viên về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Tăng cường vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất cao trong hệ thống chính trị của tỉnh và đồng thuận trong xã hội.

c) Yêu cầu cần thực hiện khi xây dựng chính sách

Trên cơ sở rà soát những chính sách hiện hành của Trung ương và của tỉnh, đối chiếu với các loại trường hợp thuộc diện dôi dư sẽ tinh giản biên chế khi triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW, theo đó xác định đối tượng thuộc diện hỗ trợ chính sách lần này không được bỏ sót đối tượng (đặc biệt quan tâm đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã trong quá trình sắp xếp lại tổ chức, sắp xếp, sáp nhập xã theo chủ trương của Trung ương; các đối tượng là người lao động hợp đồng theo các chủ trương của tỉnh chấm dứt hợp đồng mà chưa được hưởng chính sách theo các quy định tại Nghị định số 108/NĐ-CP và Nghị định số 113/NĐ-CP).

- Việc xác định các đối tượng hưởng chính sách và mức hưởng theo chính sách lần này phải bảo đảm thực hiện toàn diện trong tất cả các cơ quan, đơn vị của hệ thống chính trị; đảm bảo kết hợp hài hòa giữa chính sách của Trung ương và chính sách đặc thù của tỉnh, đảm bảo quyền lợi chính đáng cho công chức, viên chức, người lao động, nhằm đẩy nhanh việc tinh giản biên chế làm động lực cho việc sắp xếp, tổ chức lại bộ máy.

- Quá trình triển khai thực hiện chính sách phải đảm bảo công tâm, khách quan, minh bạch và đúng quy định; đáp ứng kịp thời tâm tư, nguyện vọng của các đối tượng thuộc diện hưởng chính sách.

- Các sở, ngành, địa phương cơ quan đơn vị có liên quan phải tập trung thực hiện nhằm triển khai có hiệu quả nhiệm vụ sắp xếp tổ chức (đặc biệt là thực hiện chủ trương quá trình sắp xếp lại tổ chức, nhập xã theo các chủ trương của Trung ương, của tỉnh).

**2. Nội dung của chính sách**

**2.1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

a) Phạm vi điều chỉnh

 Nghị quyết này quy định đối tượng, điều kiện, mức hỗ trợ đối với những người thuộc diện tinh giản biên chế trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau:

 - Các cơ quan, tổ chức hành chính của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cấp xã.

 - Các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội.

 - Các tổ chức Hội, các Quỹ được giao biên chế và ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để trả lương.

b) Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các đối tượng tinh giản trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII và và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, bao gồm:

- Cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã.

- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp và theo các quy định khác của pháp luật.

- Người làm việc trong biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các Hội, các Quỹ.

- Người hoạt động không chuyên trách cấp xã.

- Người lao động hợp đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được tỉnh đồng ý.

c) Đối tượng không áp dụng

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (đối với cấp tỉnh, cấp huyện) đã được hỗ trợ kinh phí theo chính sách quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội (trừ trường hợp cán bộ, công chức trên 58 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam và trên 53 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ thuộc diện tinh giản biên chế).

- Viên chức, người lao động đã hưởng chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về một số chính sách thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế ngành y tế đến năm 2025 và những năm tiếp theo; Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh về phát triển giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo.

- Người lao động hợp đồng không được cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh đồng ý về chủ trương hoặc không được pháp luật quy định.

- Các đối tượng quy định tại Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ; Nghị quyết số 72/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh; Quyết định số 2531/QĐ-UBND ngày 28/8/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định hợp đồng sinh viên tốt nghiệp đại học loại giỏi, thạc sỹ ngành sư phạm giảng dạy tại các trường phổ thông trên địa bàn tỉnh và các chính sách thu hút khác của tỉnh.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang trong thời gian luân chuyển; đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật (đối với cấp tỉnh, cấp huyện).

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không chấp thuận nghỉ việc sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

**2.2. Nội dung cụ thể của chính sách**

**2.2.1. Chính sách chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng thuộc diện nghỉ hưu trước tuổi nhưng không được hỗ trợ kinh phí (thực hiện theo Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 và Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh)**

- Thời gian thực hiện:

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2021 (36 tháng).

- Điều kiện áp dụng:

Những người là đối tượng áp dụng quy định tại mục b, phần 2.1 của Đề án này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng, đủ điều kiện nghỉ tinh giản theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ về tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP có tuổi đời trên 58 tuổi đến đủ 59 tuổi đối với nam, trên 53 tuổi đến đủ 54 tuổi đối với nữ, có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ hai mươi năm trở lên.

- Mức hỗ trợ

+ Được hỗ trợ 05 (năm) tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

+ Từ năm 21 trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được hỗ trợ 1/2 (một phần hai) tháng tiền lương.

**2.2.2. Chính sách hỗ trợ đối với các đối tượng không thuộc diện nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ (thực hiện theo Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 và Nghị quyết số 96/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND tỉnh)**

a) Chính sách hỗ trợ cho đối tượng nghỉ hưu trước tuổi do suy giảm khả năng lao động

- Thời gian thực hiện:

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2021 (36 tháng).

- Điều kiện áp dụng:

 Những người là đối tượng áp dụng quy định tại mục b, phần 2.1 của Đề án này không thuộc đối tượng nghỉ tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ nếu đủ điều kiện nghỉ hưu theo Điều 55 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014.

- Mức hỗ trợ:

+ Được hỗ trợ 03 (ba) tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại Điểm a Khoản 1 Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội;

+ Được hỗ trợ 05 (năm) tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội;

+ Từ năm thứ hai mươi mốt trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp 1/2 (một phần hai) tháng tiền lương.

b) Chính sách thôi việc ngay

- Thời gian thực hiện:

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2021 (36 tháng).

- Điều kiện áp dụng:

Những người là đối tượng áp dụng quy định tại mục b, phần 2.1 của Đề án này có tuổi đời dưới 55 tuổi đối với nam, dưới 50 tuổi đối với nữ và không đủ điều kiện để hưởng chính sách thôi việc ngay theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ và đối tượng lao động hợp đồng làm công tác nghiệp vụ thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị được tỉnh đồng ý cho hợp đồng lao động.

- Mức hỗ trợ:

+ Được hỗ trợ 06 (sáu) tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm;

+ Được hỗ trợ 01 (một) tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội;

+ Được hưởng chính sách thôi việc theo quy định tại Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27/4/2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức và Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

**2.2.3. Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ dôi dư của các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 và cán bộ cấp xã khác liên quan đến bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế**

- Thời gian thực hiện:

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/3/2020 (15 tháng).

- Mức hỗ trợ: Ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương, còn được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh với mức hỗ trợ như sau:

+ Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm cán bộ có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền quyết định đến thời điểm ngày 31/3/2020).

+ Được hỗ trợ 01 (một) tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

- Riêng đối với cán bộ cấp xã đến ngày 01/01/2019 mà đủ 58 tuổi 09 tháng trở lên đối với nam và đủ 53 tuổi 09 tháng trở lên đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ điều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được tỉnh hỗ trợ nghỉ chờ.

+ Trong thời gian nghỉ chờ, cán bộ được hưởng nguyên lương và tiếp tục được đóng BHXH, BHYT theo quy định.

+ Trong trường hợp cán bộ không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay ở bất kỳ thời điểm nào trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tỉnh hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến khi cán bộ đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng BHXH, BHYT.

- Riêng đối với cán bộ cấp xã đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ nhưng dưới 58 tuổi 09 tháng đối với nam và dưới 53 tuổi 09 tháng đối với nữ tính đến ngày 01/01/2019 thì ngoài việc được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ, được tỉnh hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31/3/2020).

- Cơ sở xây dựng chính sách:

+ Thứ nhất về thời gian thực hiện chính sách: Việc sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã từ nay đến 2021 cần phải được thực hiện xong trước thời điểm tổ chức đại hội Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2020-2025 (trước tháng 6/2020), do đó chậm nhất trước 31/3/2020 công tác nhân sự dự kiến bầu cử vào các chức vụ cán bộ cấp xã (nhất là các chức vụ được cơ cấu cấp ủy cấp xã nhiệm kỳ 2020-2025) phải hoàn thành. Đối với cán bộ cấp xã thuộc các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập này nếu không bố trí được công việc khác phù hợp trước tháng 3/2020 thì bắt buộc phải nghỉ công tác do dôi dư ngay sau khi ĐVHC cấp xã mới được hình thành (kể cả cán bộ đủ tuổi tái cử cấp ủy hoặc không đủ tuổi tái cử cấp ủy). Như vậy, chính sách đặc thù của tỉnh áp dụng đối với đội ngũ cán bộ của các ĐVHC cấp xã trong diện sắp xếp, sáp nhập trước 2021 có nguyện vọng nghỉ công tác thực hiện từ 01/01/2019 đến 31/3/2020 là phù hợp.

+ Thứ hai về cơ sở xây dựng mức hỗ trợ của tỉnh: Theo như phân tích ở trên về thời gian thực hiện chính sách đặc thù của tỉnh thì từ tháng 01/2019 đến tháng 03/2020, nếu không thực hiện sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã thì các cán bộ cấp xã của các ĐVHC này vẫn có cơ hội được tiếp tục công tác ở thời gian tiếp theo; hơn nữa dù sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã hay không thì ngân sách nhà nước vẫn phải chi trả tiền lương hiện hưởng cho cán bộ xã đang công tác từ 01/2019 đến 3/2020, do đó việc hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của cán bộ đến thời điểm ngày 31/3/2020) là hợp lý, đáp ứng được tâm tư nguyện vọng của đối tượng, đồng thời thúc đẩy nhanh quá trình tự nguyện nghỉ công tác của đội ngũ này (tự nguyện nghỉ càng sớm thì vừa không phải tiếp tục đi làm, vừa được nhận nguyên tiền lương hiện hưởng cho số tháng nghỉ sớm đó). Ngoài ra, chính sách đặc thù của tỉnh còn hỗ trợ thêm một khoản để ghi nhận quá trình cống hiến của cán bộ xã, đó là: Được hỗ trợ 01 tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng BHXH.

**2.2.4. Chính sách đối với công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế**

- Thời gian thực hiện:

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2021 (36 tháng).

- Mức hỗ trợ: Ngoài việc được hưởng các chế độ, chính sách hiện hành theo quy định của Trung ương, còn được hưởng chính sách hỗ trợ đặc thù của tỉnh với mức hỗ trợ như sau:

+ Được hỗ trợ số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của công chức đến thời điểm ngày 31/12/2021).

+ Được hỗ trợ 01 (một) tháng tiền lương hiện hưởng cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội.

- Riêng đối với công chức cấp xã tính đến ngày 01/01/2019 mà đủ 57 tuổi trở lên đối với nam và đủ 52 tuổi trở lên đối với nữ nếu có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm đến khi đủ tuổi nghỉ hưu hoặc đủ điều kiện khác để được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì được tỉnh hỗ trợ nghỉ chờ.

+ Trong thời gian nghỉ chờ công chức được hưởng nguyên lương và tiếp tục được đóng BHXH, BHYT theo quy định.

+ Trong trường hợp công chức không có nguyện vọng tiếp tục nghỉ chờ mà muốn nghỉ công tác và được giải quyết chế độ ngay ở bất kỳ thời điểm nào trong giai đoạn nghỉ chờ thì được tỉnh hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng còn lại từ thời điểm chấm dứt nghỉ chờ đến khi công chức đủ 60 tuổi đối với nam và đủ 55 tuổi đối với nữ, không tiếp tục đóng BHXH, BHYT.

- Riêng đối với công chức cấp xã đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ nhưng không thuộc đối tượng dưới 57 tuổi đối với nam và dưới 52 tuổi đối với nữ tính đến ngày 01/01/2019 nếu có nguyện vọng nghỉ công tác và được cơ quan có thẩm quyền đồng ý thì ngoài việc được hưởng chính sách nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, được tỉnh hỗ trợ một lần bằng số tháng tiền lương hiện hưởng (tính từ thời điểm cơ quan có thẩm quyền quyết định theo nguyện vọng nghỉ công tác của công chức đến thời điểm ngày 31/12/2021).

- Cơ sở xây dựng chính sách:

+ Thứ nhất về thời gian thực hiện chính sách: Thực hiện theo đúng chủ trương của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh từ nay đến 2021, phù hợp với quá trình sắp xếp, sáp nhập các ĐVHC cấp xã, lộ trình tinh giản biên chế đối với đội ngũ công chức cấp xã từ nay đến 2021. Hơn nữa đội ngũ công chức cấp xã khác với đội ngũ cán bộ cấp xã, đó là không bầu cử và hoạt động theo nhiệm kỳ, do đó công chức cấp xã vẫn có thể chấp nhập bố trí số lượng dôi dư trong một khoảng thời gian nhất định, sau đó tinh giản biên chế theo lộ trình. Như vậy, chính sách đặc thù của tỉnh áp dụng đối với đội ngũ công chức cấp xã có nguyện vọng nghỉ công tác thực hiện từ 01/01/2019 đến 31/12/2021 là phù hợp.

+ Thứ hai về cơ sở xây dựng mức hỗ trợ của tỉnh: như cơ sở xây dựng mức hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ cấp xã ở trên.

**2.2.5. Chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế**

- Thời gian thực hiện:

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/7/2019 (07 tháng) đối với 262 xã, phường, thị trấn hiện có. Sau đó, tiếp tục kéo dài thời gian thực hiện chính sách đến ngày 31/3/2020 đối với các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến năm 2021.

- Mức hỗ trợ:

Được hỗ trợ 05 tháng tiền lương cơ sở cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở xuống. Từ năm thứ 06 trở đi, cứ mỗi năm công tác được hỗ trợ 01 tháng tiền lương cơ sở.

- Cơ sở xây dựng chính sách:

+ Thứ nhất về thời gian thực hiện chính sách: Xuất phát từ thực tế những người hoạt động không chuyên trách cấp xã cần giảm số lượng và kiện toàn càng sớm càng tốt, đồng thời không thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Cán bộ, công chức, ngoài phụ cấp khi thực hiện nhiệm vụ không chuyên trách còn có thời gian để tăng thêm thu nhập cho bản thân bằng những công việc khác, do đó đề xuất chính sách đặc thù của tỉnh chỉ hỗ trợ đội ngũ này trong thời gian 07 tháng là hợp lý (từ 01/01/2019 đến 31/7/2019 - nhằm trùng khớp với lộ trình quy định tại Kết luận số 92-KL/TU của BTV Tỉnh ủy về hoàn thành việc bố trí số lượng cán bộ thôn, tổ dân phố người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố). Sau khi kiện toàn đội ngũ này đối với 262 xã, phường, thị trấn, tiếp tục kéo dài thực hiện chính sách đến 31/3/2020 đối với các ĐVHC cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập là phù hợp.

+ Thứ hai về cơ sở xây dựng mức hỗ trợ của tỉnh: Đối với đội ngũ này chỉ có một số rất ít chức danh và đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ thôi việc theo quy định của Trung ương, do đó việc cân đối hỗ trợ của tỉnh phần lớn hoàn toàn phụ thuộc ngân sách tỉnh. Mặt khác, đây là đối tượng hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước, không hưởng lương như đội ngũ CBCC cấp xã, quá trình tham gia đóng BHXH bắt buộc mới được thực hiện từ 01/01/2016, do đó thời gian tham gia BHXH đến nay chưa nhiều, theo đó, đối tượng tham gia thực hiện nhiệm vụ không chuyên trách ở cấp xã thường không liên tục, thay đổi nhân sự thường xuyên, khó theo dõi chính xác được quá trình công tác, cống hiến của mỗi người; việc người hoạt động không chuyên trách có thời gian tham gia công tác ít, độ tuổi còn trẻ nhưng lại còn thời gian, cơ hội cống hiến được nhiều hơn; ngược lại người hoạt động không chuyên trách có thời gian tham gia công tác nhiều hơn, đã lớn tuổi, thời gian còn lại để có cơ hội cống hiến sẽ ít hơn, do đó việc đề xuất mức hỗ trợ như trên là tương đối và phù hợp với nguồn ngân sách tỉnh ở giai đoạn hiện nay.

**3. Đánh giá hiệu quả của chính sách**

a) Đối với công tác sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn và tinh giản biên chế của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị của tỉnh:

- Việc tỉnh có chế độ hỗ trợ để khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ công tác theo nguyện vọng là phù hợp với chủ trương của Trung ương, của tỉnh trong giai đoạn hiện nay, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đạt chỉ tiêu đề ra (giảm ít nhất 10% so với biên chế được giao năm 2015).

- Khắc phục được những tồn tại, hạn chế của các chính sách Trung ương, của tỉnh trong giai đoạn từ 2015 đến nay.

- Tiết kiệm được kinh phí từ ngân sách nhà nước, thúc đẩy nhanh quá trình sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã gắn liền với tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

b) Đối với các đối tượng thụ hưởng chính sách:

Chính sách này hỗ trợ thêm một phần kinh phí cho những người tự nguyện nghỉ công tác, tạo một nguồn vốn để bản thân và gia đình họ bảo đảm ổn định cuộc sống hoặc tự tạo việc làm mới sau khi nghỉ công tác.

c) Đối với thực hiện chi ngân sách:

***- Thực hiện chính sách đối với cấp huyện, cấp tỉnh:***

Dự kiến số lượng cán bộ, công chức, viên chức trong biên chế giảm 275 người; lao động hợp đồng dự kiến giảm 418 người. Tổng chi ngân sách ước tính cho các chính sách theo Đề án là: **38.433.000.000 đồng (Ba mươi tám tỷ bốn trăm ba mươi ba triệu đồng).**

Sau khi thực hiện tinh giản biên chế theo Đề án, sẽ giảm chi ngân sách hàng năm: **40.141.200.000** **đồng** **(Bốn mươi tỷ một trăm bốn mươi mốt triệu hai trăm ngàn đồng).**

***- Thực hiện chính sách đối với cấp xã:***

+ Đối với cán bộ cấp xã của các đơn vị hành chính cấp xã thuộc diện sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 và cán bộ cấp xã khác liên quan đến sắp xếp đội ngũ cán bộ cấp xã trong quá trình sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã: Tổng số cán bộ cấp xã dôi dư do sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã từ nay đến 2021 (tính cho giảm 57 xã, trung bình mỗi xã 10 cán bộ). Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách này là **không quá 67.500.000.000 đồng (Sáu mươi bảy tỷ năm trăm triệu đồng chẵn).** Theo đó, trung bình một cán bộ cấp xã được hỗ trợ **118.421.053 đồng**.

+ Đối với công chức cấp xã của tất các các xã, phường, thị trấn: Tổng số công chức cấp xã dôi dư do sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã từ nay đến 2021 là 1.037 công chức (trong đó có khoảng 107 công chức đủ 60 tuổi đối với nam, đủ 55 tuổi đối với nữ trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 đến 31/12/2021). Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách này là **không quá 174.771.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tư tỷ bảy trăm bảy mươi mốt triệu đồng).** Theo đó, trung bình một công chức cấp xã được hỗ trợ **168.535.198 đồng.**

+ Đối với những người hoạt động không chuyên trách của tất các các xã, phường, thị trấn: Tổng số người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã từ nay đến 2021 là 2.233 người (trong đó có khoảng 133 người có thời gian công tác dưới 30 tháng). Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách này là **không quá 30.114.350.000 đồng (Ba mươi tỷ một trăm mười bốn triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).**

Tổng kinh phí thực hiện chính sách tính cho số CBCC cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư với số lượng lớn nhất đều có nguyện vọng nghỉ công tác trước thời điểm yêu cầu tùy theo từng đối tượng thì tổng kinh phí để thực hiện chính sách giai đoạn từ nay đến 2021 là **272.385.350.000 đồng (Hai trăm bảy mươi hai tỷ ba trăm tám mươi lăm triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).**

Giảm số lượng đơn vị hành chính cấp xã từ nay đến 2021 là **57** xã, tương ứng với tiết kiệm được ngân sách chi thường xuyên cho 57 xã này từ nay đến 2021 là: (tính cho 02 năm 2019, 2020 và trung bình mỗi năm chi thường xuyên cho 01 xã là khoảng 3 tỷ đồng/năm): 57 x 2 x 3.000.000.000 = **342.000.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi hai tỷ đồng chẵn).**

Như vậy, dùng nguồn tiết kiệm ngân sách chi thường xuyên cho số xã giảm được bởi sắp xếp, sáp nhập từ nay đến 2021 để chi trả chế độ chính sách đối với CBCC cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư là hết sức cần thiết, theo đó từ nay đến 2021, ngân sách tiết kiệm được là: 342.000.000.000 - 272.385.350.000 = **69.614.650.000 đồng (Sáu mươi chín tỷ sáu trăm mười bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng chẵn).**

**V. CÁCH TÍNH HỖ TRỢ, KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Cách tính hỗ trợ**

- Thời gian tính hỗ trợ:

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thời gian để tính hỗ trợ là thời gian làm việc trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức Hội, các Quỹ được tính hưởng bảo hiểm xã hội và đóng bảo hiểm xã hội (theo sổ bảo hiểm xã hội của mỗi người) nhưng chưa hưởng trợ cấp thôi việc hoặc chưa hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ. Nếu thời gian tính chế độ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc dưới 03 tháng thì không tính; từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.

+ Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã có thời gian công tác từ đủ 05 năm trở lên mà có số tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc dưới 06 tháng thì không tính; từ đủ 06 tháng đến dưới 12 tháng thì tính tròn là 01 năm.

- Tiền lương để tính hỗ trợ:

+ Tiền lương hiện hưởng quy định tại Đề án này, bao gồm: Tiền lương theo ngạch, bậc hoặc theo chức danh nghề nghiệp hoặc theo bảng lương; các khoản phụ cấp, như: phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề và mức chênh lệch phụ cấp bảo lưu (nếu có) theo quy định của pháp luật.

+ Tiền lương tháng để tính chế độ hỗ trợ quy định tại Đề án này được tính bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của 05 năm cuối (60 tháng) trước khi tinh giản. Đối với những trường hợp chưa đủ 05 năm (60 tháng) công tác thì được tính bình quân tiền lương tháng thực lĩnh của toàn bộ thời gian công tác.

+ Tiền lương cơ sở quy định tại Đề án này được xác định theo mức lương cơ sở tại thời điểm tinh giản.

**2. Kinh phí thực hiện**

- Các đối tượng thuộc cơ quan Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập, các tổ chức hội, các quỹ (đơn vị do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và đơn vị đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên) sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách Nhà nước đã bố trí dự toán, nguồn cải cách tiền lương để giải quyết chế độ, chính sách, phần kinh phí còn thiếu sau khi cân đối các nguồn trên, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung có mục tiêu hoặc bố trí dự toán để đơn vị thực hiện

- Các đối tượng thuộc các đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên do đơn vị chi trả từ nguồn cải cách tiền lương và nguồn thu của đơn vị. Đối với đơn vị sắp xếp lại tổ chức theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì cấp quyết định sắp xếp tổ chức xem xét hỗ trợ kinh phí và chỉ được hỗ trợ kinh phí một lần khi sắp xếp.

- Các đối tượng là cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã do cấp xã sử dụng nguồn kinh phí chi thường xuyên được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách Nhà nước, nguồn cải cách tiền lương, phần kinh phí còn thiếu sau khi cân đối các nguồn trên, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung có mục tiêu hoặc giao dự toán cho các địa phương để thực hiện.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Trách nhiệm chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị**

Sau khi có quyết định phê duyệt đề án tiếp tục đổi mới, sắp xếp kiện toàn tổ chức bộ máy theo Chương trình hành động số 920-CTr/TU ngày 31/01/2018 và Chương trình hành động số 1011-CTr-TU ngày 03/5/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 4/6/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Khóa XII, người đứng đầu các Ban, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cấp tỉnh, các huyện, thành, thị ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh; các sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố thị xã; UBND xã, phường, thị trấn:

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2021 đến cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý.

- Xây dựng Kế hoạch giải quyết nhân sự theo tổ chức bộ máy mới, đề xuất UBND tỉnh giải quyết những đối tượng, trường hợp thực hiện theo chính sách của tỉnh.

- Lập danh sách và dự toán số tiền hỗ trợ cho từng đối tượng tinh giản biên chế theo chính sách của tỉnh định kỳ 06 lần/năm (02 tháng/01 lần) trên cơ sở đề án sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt; gửi Sở Nội vụ và Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh cấp kinh phí thực hiện tinh giản biên chế.

- Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo phân cấp quản lý đối với các đối tượng nghỉ việc theo chính sách này trên cơ sở danh sách đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ, công chức, viên chức chi trả tiền hỗ trợ theo chính sách của tỉnh.

**2. Trách nhiệm của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ**

- Thẩm tra, tổng hợp danh sách đối tượng tinh giản biên chế trên cơ sở danh sách đối tượng tinh giản biên chế do các cơ quan, đơn vị, tổ chức gửi đến và gửi Sở Tài chính để làm căn cứ cấp kinh phí thực hiện tinh giản biên chế; trình cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

- Đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Nghị quyết.

- Định kỳ vào tháng 12 hàng năm báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện chính sách.

**3. Trách nhiệm của Sở Tài chính**

- Thẩm định và bố trí kinh phí thực hiện chính sách.

- Hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện.

- Phối hợp Sở Nội vụ kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện Nghị quyết.

**4. Trách nhiệm của Bảo hiểm Xã hội tỉnh**

- Hướng dẫn nghiệp vụ, chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện xác định quá trình đóng bảo hiểm của người lao động để có cơ sở lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách.

- Giải quyết chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động.

Trên đây là Đề án về một số chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2019-2021, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Thường trực Tỉnh ủy;- Thường trực HĐND tỉnh;- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;- Văn phòng HĐND tỉnh;- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;- Các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh;- Các hội đặc thù cấp tỉnh;- UBND các huyện, thành phố, thị xã;- Lưu: VT, TH. NC1. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****(đã ký)** **Đặng Quốc Vinh** |